BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 40 /2008/QĐ-BCT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 25/2006/QĐ-BTM ngày 27 tháng 7 năm 2006 về việc ban hành quy chế sử dụng chữ ký số của Bộ Thương mại

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND và UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các Sở Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, TMĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Danh Vĩnh

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, CHỨNG THƯ SỐ VÀ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2008 /QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân khác lựa chọn sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương trong các hoạt động giao dịch điện tử do Bộ Công Thương tổ chức.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Chứng thư số" là một dạng chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương cấp.

2. "Chữ ký số" là một dạng chữ ký điện tử được tạo ra bằng sự biến đổi một thông điệp dữ liệu sử dụng hệ thống mật mã không đối xứng theo đó người có được thông điệp dữ liệu ban đầu và khoá công khai của người ký có thể xác định được chính xác:

a) Việc biến đổi nêu trên được tạo ra bằng đúng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai trong cùng một cặp khoá;

b) Sự toàn vẹn nội dung của thông điệp dữ liệu kể từ khi thực hiện việc biến đổi nêu trên.

3. "Dịch vụ chứng thực chữ ký số" là một loại hình dịch vụ do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương cấp. Dịch vụ chứng thực chữ ký số bao gồm:

a) Tạo cặp khóa bao gồm khóa công khai và khóa bí mật cho thuê bao;

b) Cấp, gia hạn, tạm dừng, phục hồi và thu hồi chứng thư số của thuê bao;

c) Duy trì trực tuyến cơ sở dữ liệu về chứng thư số;

d) Những dịch vụ khác theo quy định của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP (gọi tắt là Nghị định chữ ký số).

4. "Ký số" là việc đưa khoá bí mật vào một chương trình phần mềm để tự động tạo và gắn chữ ký số vào thông điệp dữ liệu.

5. "Người ký" là thuê bao dùng đúng khoá bí mật của mình để ký số vào một thông điệp dữ liệu.

6. "Người nhận" là tổ chức, cá nhân nhận được thông điệp dữ liệu được ký số bởi người ký, sử dụng chứng thư số của người ký đó để kiểm tra chữ ký số trong thông điệp dữ liệu nhận được và tiến hành các hoạt động, giao dịch có liên quan.

7. "Thuê bao" là tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Quy chế này; được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương cấp chứng thư số; chấp nhận chứng thư số và giữ khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số được cấp.

8. "Tổ chức quản lý thuê bao" là các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, hoặc các tổ chức khác đề nghị cấp chứng thư số cho tổ chức, cá nhân thuộc tổ chức mình và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về quản lý tổ chức, cá nhân đó.

9. "Giao dịch điện tử của Bộ Công Thương" là các hoạt động, nghiệp vụ được tiến hành bằng phương thức điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương (gọi tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số) do Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin quản lý, điều hành và là tổ chức duy nhất của Bộ Công Thương cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 5. Chứng thư số

1. Nội dung chứng thư số:

Chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số của Bộ Công Thương cấp phải bao gồm các nội dung sau:

a) Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

b) Tên thuê bao;

c) Tên tổ chức quản lý thuê bao;

d) Số hiệu của chứng thư số;

đ) Thời hạn có hiệu lực của chứng thư số;

e) Khóa công khai của thuê bao;

g) Chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

h) Các hạn chế về mục đích, phạm vi sử dụng của chứng thư số;

i) Các hạn chế về trách nhiệm pháp lý của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

k) Các thông tin khác cho mục đích quản lý, sử dụng, an toàn, bảo mật do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định.

2. Thời gian có hiệu lực của chứng thư số

a) Không quá 10 (năm) năm đối với chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

b) Không quá 05 (năm) năm đối với chứng thư số của thuê bao.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ SỐ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ THUÊ BAO, THUÊ BAO

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số

1. Cấp, gia hạn, tạm dừng, thu hồi, khôi phục chứng thư số và thay đổi cặp khóa cho thuê bao khi có yêu cầu.

2. Lưu giữ bản sao khóa bí mật thuộc cặp khóa mã hóa của thuê bao và chỉ được sử dụng khóa bí mật này khi được phép của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

3. Quản lý, vận hành hệ thống trang thiết bị kỹ thuật cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương, đảm bảo duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương an toàn, liên tục.

4. Lưu trữ đầy đủ, chính xác và cập nhật thông tin của thuê bao phục vụ việc quản lý chứng thư số trong suốt thời gian chứng thư số có hiệu lực. Trong trường hợp chứng thư bị thu hồi thì phải lưu trữ các thông tin chứng thư số của thuê bao trong thời hạn ít nhất 05 năm kể từ khi chứng thư số bị thu hồi.

5. Công bố danh sách các chứng thư số đã cấp, tạm dừng hoặc thu hồi.

6. Đảm bảo an toàn, bí mật khóa bí mật của thuê bao trong trường hợp đồng ý nhận ủy quyền lưu giữ bản sao khóa bí mật của thuê bao.

7. Tổ chức tiêu hủy chứng thư số và các dữ liệu liên quan đã hết hạn lưu trữ theo quy định tại Điều 15 Quy chế này nếu không có chỉ định nào khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

8. Hướng dẫn các tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

9. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số không có nghĩa vụ kiểm tra từng giao dịch điện tử cụ thể của thuê bao.

10. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quản lý và sử dụng chứng thư số.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức quản lý thuê bao

1. Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số.

2. Được yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa cho các thuê bao do mình quản lý.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên giấy đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số và thay đổi cặp khóa của thuê bao do mình quản lý.

4. Hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao thuộc tổ chức mình quản lý, sử dụng chứng thư số và khóa bí mật theo đúng các quy định tại Quy chế này.

5. Thông báo kịp thời bằng văn bản cho tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số của thuê bao trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 13.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thuê bao

1. Được cung cấp các thông tin hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phát, quản lý và sử dụng chứng thư số.

2. Thông qua tổ chức quản lý thuê bao của mình để đề nghị cấp, gia hạn, tạm dừng, khôi phục, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa.

3. Thuê bao có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạm dừng chứng thư số của mình và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị đó.

4. Sử dụng chứng thư số đúng mục đích đã đăng ký.

5. Bảo quản và sử dụng khóa bí mật, các dữ liệu trong thiết bị lưu giữ khóa bí mật theo chế độ "Mật".

6. Thông báo kịp thời cho tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số và tổ chức quản lý thuê bao của mình trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ chứng thư số, khóa bí mật không còn an toàn.

7. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật về quản lý và sử dụng chứng thư số.

Chương III
DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ

Điều 9. Đề nghị cấp chứng thư số

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Điều kiện chung:

- Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quy chế này;

- Chấp thuận tuân thủ các quy định đối với thuê bao tại Quy chế này.

b) Điều kiện bổ sung đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2

- Là doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam;

- Có khả năng trang bị các thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với hệ thống giao dịch điện tử của Bộ Công Thương;

- Người đại diện theo pháp luật hiểu biết pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số gồm:

a) Giấy đề nghị cấp chứng thư số (Phụ lục số 1) của tổ chức, cá nhân, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao;

b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập của tổ chức quản lý thuê bao đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số lần đầu (không áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương).

Điều 10. Cấp, gia hạn chứng thư số

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số cung cấp cho tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số những thông tin sau đây:

a) Phạm vi, giới hạn sử dụng của chứng thư số, yêu cầu bảo mật và những thông tin khác có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số;

b) Yêu cầu đối với thuê bao trong việc tạo, lưu giữ và sử dụng khóa bí mật;

c) Những nội dung khác do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định để đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống cung cấp dịch vụ chữ ký số.

2. Gia hạn chứng thư số:

a) Chứng thư số được đề nghị gia hạn phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất là 30 ngày;

b) Giấy đề nghị gia hạn chứng thư số của thuê bao, có xác nhận của của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 2);

c) Mỗi chứng thư số được gia hạn không quá 03 lần, thời gian gia hạn cho mỗi lần không quá 01 năm.

3. Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp hoặc gia hạn chứng thư số hợp lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm kiểm tra, cấp chứng thư số hoặc gia hạn chứng thư số cho thuê bao nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản từ chối trong đó nêu rõ lý do từ chối nếu không đủ điều kiện cấp hoặc gia hạn chứng thư số.

4. Công bố danh sách chứng thư số cấp mới cho thuê bao trong khoảng thời gian quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 11. Tạo và cung cấp khóa

1. Một cặp khóa của thuê bao có thể được tạo ra bởi:

a) Bản thân thuê bao;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số theo yêu cầu bằng văn bản của thuê bao hoặc tổ chức quản lý thuê bao.

2. Trường hợp tự tạo cặp khóa, thuê bao phải tạo cặp khóa trong khoảng thời gian quy định trên thông báo chấp thuận cấp chứng thư số. Trường hợp thuê bao không có điều kiện tạo cặp khóa trong khoảng thời gian quy định, tổ chức quản lý thuê bao phải có văn bản gửi tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số đề nghị gia hạn thời gian tạo khóa cho thuê bao.

3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số tạo cặp khóa cho thuê bao, khóa bí mật phải được chuyển đến cho thuê bao bằng phương thức an toàn và bảo mật.

4. Thuê bao phải sử dụng thiết bị lưu giữ khóa bí mật theo yêu cầu kỹ thuật do tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số quy định.

Điều 12. Thay đổi cặp khóa

1. Điều kiện thay đổi cặp khoá:

a) Có yêu cầu thay đổi cặp khóa của thuê bao và phải đảm bảo thời hạn sử dụng còn lại của chứng thư số ít nhất là 30 ngày;

b) Giấy đề nghị thay đổi cặp khoá (Phụ lục số 6) của thuê bao, có xác nhận của của tổ chức quản lý thuê bao.

2. Thay đổi cặp khoá được tiến hành như sau:

a) Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu thay đổi cặp khóa hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;

b) Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi khóa hợp lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số kiểm tra, thay đổi

cặp khóa cho thuê bao nếu đủ điều kiện và phân phối khóa theo quy định tại Điều 11 Quy chế này;

c) Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động thay đổi cặp khóa trong thời gian ít nhất 05 năm, kể từ thời điểm thay đổi.

Điều 13. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số

1. Chứng thư số của thuê bao bị tạm dừng trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 3) trong các trường hợp: khóa bí mật bị lộ hoặc nghi bị lộ; thiết bị lưu giữ khóa bí mật bị thất lạc, bị sao chép hoặc các trường hợp mất an toàn khác;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Theo yêu cầu bằng văn bản từ tổ chức quản lý thuê bao;

d) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định tại Quy chế này;

đ) Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phát hiện ra bất cứ sai sót, sự cố nào có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của thuê bao hoặc an ninh, an toàn của hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

2. Thời gian tạm dừng chứng thư số tối đa là 06 tháng.

3. Chứng thư số của thuê bao bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Chứng thư số hết hạn sử dụng;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 5);

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của tổ chức quản lý thuê bao;

đ) Tổ chức quản lý thuê bao, thuê bao bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

e) Có đủ căn cứ xác định thuê bao vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng khóa bí mật và thiết bị lưu giữ khóa bí mật tại Quy chế này.

4. Chứng thư số bị thu hồi sau khi hết thời hạn lưu trữ được tiêu hủy theo quy định tại Điều 15 Quy chế này nếu không có quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Đảm bảo kênh thông tin tiếp nhận yêu cầu tạm dừng, thu hồi chứng thư số hoạt động 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần;

b) Lưu trữ thông tin liên quan đến hoạt động tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ thời điểm chứng thư số bị tạm dừng hoặc thu hồi;

c) Khi có đủ căn cứ tạm dừng, thu hồi chứng thư số, tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số phải lập tức tiến hành tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số, đồng thời thông báo cho thuê bao và công bố danh sách tạm dừng, thu hồi theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 14. Khôi phục chứng thư số

Chứng thư số khôi phục trong các trường hợp sau:

1. Theo yêu cầu bằng văn bản từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Theo yêu cầu bằng văn bản từ thuê bao, có kèm theo xác nhận của tổ chức quản lý thuê bao (Phụ lục số 4), trong trường hợp thuê bao, tổ chức quản lý thuê bao đã đề nghị tạm dừng chứng thư số trước đó.

3. Thời gian tạm dừng chứng thư số theo đề nghị tạm dừng đã hết.

4. Chứng thư số bị tạm dừng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 và những sai sót, sự cố đó đã được khắc phục.

Điều 15. Tiêu hủy chứng thư số

1. Nguyên tắc tiêu hủy:

a) Phải đảm bảo tiêu hủy hết thông tin trên giấy và trên thiết bị lưu giữ;

b) Hội đồng tiêu hủy gồm đại diện lãnh đạo tổ chức quản lý thuê bao và đại diện các bộ phận liên quan đến việc quản lý, sử dụng chứng thư số. Hội đồng tiến hành tiêu hủy chứng thư số, dữ liệu liên quan và lập biên bản tiêu hủy với các nội dung chính: Loại tài liệu đã tiêu hủy; phương thức tiêu hủy; kết luận và chữ ký của các thành viên hội đồng tiêu hủy.

2. Phương thức tiêu hủy:

a) Hủy bỏ tài liệu giấy bằng cách cắt vụn không còn khả năng khôi phục nguyên trạng hoặc đốt cháy hoàn toàn tài liệu;

b) Xóa không còn khả năng phục hồi toàn bộ thông tin chứng thư số và các dữ liệu liên quan trên các thiết bị lưu giữ.

3. Nội dung tiêu hủy:

a) Dữ liệu chứng thư số, cặp khóa;

b) Các dữ liệu khác liên quan đến việc cấp, quản lý, sử dụng chứng thư số.

Điều 16. Kiểm tra chữ ký số

1. Trước khi chấp nhận chữ ký số của người ký, người nhận phải kiểm tra những thông tin sau:

a) Hiệu lực, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm chứng thư số của người ký và chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số;

b) Chữ ký số phải được tạo bởi khóa bí mật tương ứng với khóa công khai trên chứng thư số của người ký.

2. Người nhận phải chịu mọi thiệt hại xảy ra trong trường hợp sau:

a) Không tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đã biết hoặc được thông báo về sự không còn tin cậy của chứng thư số và khóa bí mật của người ký.

Điều 17. Cập nhật, công bố thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ chữ ký số

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số có trách nhiệm duy trì 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương (www.moit.gov.vn) những thông tin sau:

a) Quy chế chứng thực chữ ký số và chứng thư số;

b) Danh sách chứng thư số có hiệu lực, bị tạm dừng, bị thu hồi của thuê bao;

c) Những thông tin cần thiết khác.

2. Thời gian cập nhật cơ sở dữ liệu chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số

a) Trong vòng 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục cấp đối với chứng thư số mới cấp;

b) Ngay sau khi hoàn thành công việc tạm dừng, thu hồi chứng thư số hoặc thay đổi cặp khóa.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Việc xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thực hiện Quy chế này được thực hiện theo quy định của Nghị định chữ ký số và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc chấp hành Quy chế này của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương;

b) Đảm bảo sự hoạt động ổn định, an toàn, liên tục của Hệ thống chữ ký số, nghiên cứu và triển khai các công nghệ chữ ký số tiên tiến, phù hợp với hoạt động của Bộ Công Thương.

2. Thanh tra Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và thủ trưởng các tổ chức khác có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện tại đơn vị mình theo đúng các quy định của Quy chế này.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Danh Vĩnh

Phụ lục 1: Giấy đề nghị cấp chứng thư số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch: .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Thời hạn đề nghị cấp (tối đa là 05 năm tính từ ngày cấp chứng thư số): ..... năm

- Tôi cam đoan những thông tin khai báo trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nếu được chấp thuận cấp chứng thư số, tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Bộ Công Thương và của Nhà nước về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm ...

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc

Phụ lục 2: Giấy đề nghị gia hạn chứng thư số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Đề nghị gia hạn chứng thư số:

Số chứng thư số: ..... Ngày cấp (lần đầu) ..... Ngày hết hạn: .....

Lý do gia hạn: .....

Thời gian gia hạn: ↑6 tháng hoặc ↑01 năm

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm ...

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc

Phụ lục 3: Giấy đề nghị tạm dừng chứng thư số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Đề nghị tạm dừng chứng thư số:

Số chứng thư số: ..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn: .....

Thời hạn tạm dừng (không quá 06 tháng): Từ ngày ..... Đến ngày: .....

Lý do tạm dừng: .....

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị

(ký và ghi rõ họ tên)

Không cần xác nhận trong trường hợp thuê bao trực tiếp đề nghị tạm dừng

Ngày ...tháng ... năm ...

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc

Phụ lục 4: Giấy đề nghị khôi phục chứng thư số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 3 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KHÔI PHỤC CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Đề nghị khôi phục chứng thư số:

Số chứng thư số: ..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn: .....

Thời hạn tạm dừng: Từ ngày ..... Đến ngày: .....

Lý do khôi phục .....

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm ...

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc

Phụ lục 5: Giấy đề nghị chứng thư số

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU HỒI CHỨNG THƯ SỐ

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Đề nghị thu hồi chứng thư số:

Số chứng thư số: ..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn: .....

Lý do thu hồi: .....

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ... năm ...

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc

Phụ lục 6: Giấy đề nghị thay đổi cặp khoá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 3 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI CẶP KHÓA

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Bộ Công Thương

Họ và tên: ..... Giới tính .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh ..... Quốc tịch .....

Số CMND/Hộ chiếu: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Nơi công tác: ..... Điện thoại: ..... Fax: .....

Điện thoại di động (*):..... Email (*):.....

Chức vụ: .....

Đề nghị thay đổi cặp khóa thuộc chứng thư số:

Số chứng thư số: ..... Ngày cấp..... Ngày hết hạn: .....

Loại khóa thay đổi: o Cặp khóa ký o Cặp khóa mã hóa

Lý do thay đổi: .....

Tên tổ chức quản lý thuê bao: .....

Ngày ...tháng ... năm ...

Xác nhận của thủ trưởng đơn vị
(ký và ghi rõ họ tên)

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Chú thích: (*) là những thông tin không bắt buộc